

Số: 10/GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 3 năm 2022

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 02/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008 về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc bổ sung 04 điểm mỏ khoáng sản mới và diện tích mở rộng 02 mỏ đã cấp phép làm vật liệu xây dựng thông thường vào Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đất sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Xét hồ sơ và Đơn xin thăm dò khoáng sản ngày 27/12/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang (địa chỉ: Số nhà 487, đường Quang Trung, tổ 16, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên

Quang) và Biên bản số 02/BB-HĐTĐ ngày 14/01/2022 của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đất sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 98/TTr-STNMT ngày 11/3/2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đất sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang được thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ đất sét Kỳ Lãm 1, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

1. Diện tích khu vực thăm dò là 15,9 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 12 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ tỷ lệ 1:5.000 hệ VN.2000 kèm theo (Phụ lục số 2).

2. Thời gian thăm dò: 04 (bốn) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Khối lượng thăm dò chủ yếu: theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua.

4. Phương pháp tính trữ lượng

Sử dụng phương pháp mặt cắt song song để tính trữ lượng.

Dự tính trữ lượng địa chất cấp 122 là 1.365.858 m³, tài nguyên cấp 222 là 265.620 m³.

5. Chi phí thăm dò dự kiến: 885.728.000 đồng, bằng vốn tự có hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang.

Điều 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp, khối lượng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy (tài liệu gốc), tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian thi công các hạng mục công trình thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của đề án của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản đá phiến cho mục đích sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng của tỉnh Tuyên Quang và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này chỉ được phép thực hiện sau khi Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang đã thông báo chương trình, khối lượng của Đề án thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp kiểm tra, xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới công trình thăm dò tại thực địa.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; hướng dẫn, kiểm tra Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Minh Tuyên Quang trong quá trình tổ chức thăm dò khoáng sản nêu tại Điều 1 Giấy phép này, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hải Minh Tuyên Quang (bản chính);
- UBND tỉnh (bản chính);
- Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao);
- PCT UBND tỉnh Phụ trách TNMT (bản sao);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKS tỉnh (bản sao);
- Sở TNMT (bản chính);
- Công an tỉnh (bản sao);
- UBND TP Tuyên Quang (bản sao);
- Chuyên viên KS (bản sao);
- Lưu VT, (Đ 3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THẨM DÒ
(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 10/GP-UBND ngày
29 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Kỳ Lãm 1 S = 15,9 ha	1	²⁴03.629	⁴18.000
	2	²⁴03.557	⁴18.327
	3	²⁴03.464	⁴18.425
	4	²⁴03.410	⁴18.450
	5	²⁴03.308	⁴18.299
	6	²⁴03.195	⁴18.218
	7	²⁴03.211	⁴18.022
	8	²⁴03.311	⁴17.991
	9	²⁴03.407	⁴17.984
	10	²⁴03.422	⁴17.870
	11	²⁴03.465	⁴17.853
	12	²⁴03.545	⁴17.888

Phụ lục số 2**KHỐI LƯỢNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	K/lượng	Ghi chú
I	Thi công đề án			
1	Công tác trắc địa			
1.1	Mua mốc trắc địa	mốc	2	
1.2	Thành lập lưới giải tích 2 (đo GPS)	Điểm	4	
1.3	Thành lập đường sườn kinh vĩ gián tiếp	km	1,2	
1.4	Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000	ha	15,9	
1.5	Đưa công trình chủ yếu từ bản đồ ra thực địa (12 điểm mốc, 8 lỗ khoan)	Điểm	20	
1.6	Đưa công trình chủ yếu từ thực địa vào bản đồ (8 lỗ khoan)	Điểm	8	
1.7	Đo vẽ mặt cắt địa hình, tỷ lệ 1/2.000	km	1,1	
1.8	Định tuyến tìm kiếm thăm dò	km	1,1	
2	Chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/2.000	ha	15,9	
3	Công tác thi công công trình khai đào			
3.3	Khoan thăm dò	m	147	
3.4	Lắp lỗ khoan thăm dò	m	147	
4	Công tác ĐCTV - ĐCCT			
4.1	Đo vẽ TH ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ 1:2.000	ha	15,9	
4.2	Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT lỗ khoan	lần	14	
4.3	Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	năm	3	
5	Công tác mẫu			
5.1	Hoá cơ bản	Mẫu	48	
5.2	Hoá toàn diện	Mẫu	4	
5.3	Mẫu cơ lý đất	Mẫu	8	
5.4	Phân tích hoá mẫu nước	Mẫu	2	
5.5	Mẫu Ronghen	Mẫu	2	
5.6	Mẫu phóng xạ	Mẫu	4	
5.7	Mẫu thạch học	Mẫu	4	
5.8	Mẫu độ hạt	Mẫu	30	

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	K/lượng	Ghi chú
II	Công tác lập báo cáo tổng kết			
1	Lập báo cáo tổng kết	th/tổ	0,5	
2	Số hoá các loại bản đồ, bình đồ, mặt cắt	bộ	7	
3	Đánh máy vi tính in tài liệu, báo cáo	trang	500	